

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST

Ngày 30/3/2023

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Phương;
Bà Nguyễn Thị Phú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Thìn- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 30/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 11/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/01/2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phùng Thị V, sinh năm 1984 (Có đơn vắng mặt);

HKTT: Tổ dân phố Đề Nắm, thị trấn Phồn Xương, huyện Y, tỉnh B.

Nơi ở hiện tại: Thôn Liên Cơ, xã Đồng Tâm, huyện Y, tỉnh B.

- Bị đơn: Anh Trịnh Tiến D, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Nơi cư trú cuối cùng: Tổ dân phố Đề Nắm, thị trấn Phồn Xương, huyện Y, tỉnh B.

Hiện anh D đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Thân Thị A, sinh năm 1958 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố Đề Nắm, thị trấn Phồn Xương, huyện Y, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự, nguyên đơn là chị Phùng Thị V trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 07/7/2008 tại UBND thị trấn Cầu Gò (nay là thị trấn Phồn Xương), huyện Y, tỉnh B. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 xảy ra mâu thuẫn, anh chị sống ly thân một thời gian rồi tiếp tục chung sống với nhau. Năm 2017 anh D đi lao động tại Đài Loan đến năm 2022 anh D trở về Việt Nam nghỉ phép do hết hạn hợp đồng, trong thời gian anh D ở Việt Nam vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhiều lần, vợ chồng không chia sẻ và đồng thuận với nhau, chị đề nghị ly hôn thì anh D đồng ý ly hôn nhưng do anh D tiếp tục đi lao động tại Đài Loan nên chị chưa kịp làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Trịnh Thanh H, sinh ngày 10/3/2009 và Trịnh Gia H2, sinh ngày 09/01/2013. Chị có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trịnh Gia H2, đề nghị giao cháu Trịnh Thanh H cho anh D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh D hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh D đến nay không nhận được thông tin của anh D.

Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua mẹ đẻ của anh D là bà Thân Thị A, sinh năm 1958. Địa chỉ: Tổ dân phố Đề Năm, thị trấn Phồn Xương, huyện Y, tỉnh B, bà có quan điểm trình bày như sau:

Bà là mẹ của anh D, hiện nay anh D đang đi lao động tại nước ngoài và vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Về địa chỉ của anh D ở nước ngoài, bà không biết nên không cung cấp cho Tòa án được. Nay chị V làm đơn ly hôn anh D bà đề nghị Tòa án giao cháu Huyền cho anh D nuôi dưỡng và đồng ý nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Huyền trong thời gian anh D ở nước ngoài, bà không có yêu cầu nào khác.

Tòa án tiến hành làm việc với con chung của anh, chị. Cháu Trịnh Thanh H, sinh ngày 10/3/2009 có nguyện vọng ở cùng với anh Trịnh Tiến D và đồng ý ở cùng bà Thân Thị A là bà nội cháu trong thời gian anh D ở nước ngoài.

Cháu Trịnh Gia H2, sinh ngày 09/01/2013 có nguyện vọng ở cùng với chị Phùng Thị V.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị V xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện, bà Ân xin vắng mặt. Anh D vắng mặt không có lý do và không có quan điểm gì trình bày. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tổ tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Về hôn nhân: Cho chị Phùng Thị V được ly hôn anh Trịnh Tiến D.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Trịnh Gia Huy, sinh ngày 09/01/2013 cho chị Phùng Thị V chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Trịnh Thanh Huyền, sinh ngày 10/3/2009 cho anh Trịnh Tiến D chăm sóc, nuôi dưỡng, do anh D đang ở nước ngoài nên giao cho bà Thân Thị A (bà nội cháu) chăm sóc, nuôi dưỡng thay cho đến khi anh D về nước. Chị V và anh D có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị V phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phùng Thị V và anh Trịnh Tiến D đều là người Việt Nam, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố Đề Năm, thị trấn Phồn Xương, huyện Y, tỉnh B. Hiện anh D đang lao động tại nước ngoài, căn cứ công văn số: 28680/QLXNC-P5 ngày 30/12/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì anh D đã xuất cảnh ra nước ngoài lần gần đây nhất là ngày 31/7/2022, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của anh D. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “*tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị V, bà Ân vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh D theo quy định tại khoản 5, Điều 177; Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị V, bà Ân và anh D.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phùng Thị V và anh Trịnh Tiến D có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 07/7/2008 tại UBND thị trấn Cầu Gò (nay là UBND thị trấn Phồn Xương), huyện Y, tỉnh B. Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh D là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh chị sống ly thân một thời gian rồi tiếp tục chung sống với nhau nhưng không đạt kết quả. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không chia sẻ và đồng thuận với nhau, chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, chị xin được ly hôn anh D. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng chị V và anh D đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V, xử cho chị Phùng Thị V được ly hôn anh Trịnh Tiến D.

[4]. Về con chung:

Chị V và anh D có 02 con chung là cháu Trịnh Thanh H sinh ngày 10/3/2009 và Trịnh Gia Huy, sinh ngày 09/01/2013. Sau khi ly hôn chị V có nguyện vọng nuôi cháu Trịnh Gia H2 và đề nghị Tòa án giao cháu Trịnh Thanh H cho anh Trịnh Tiến D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án cháu Huyền và cháu Huy đang sống cùng với chị V. Cháu Huy có nguyện vọng sống cùng với chị V, cháu Huyền có nguyện vọng sống cùng với anh D và bà Ân là bà nội cháu trong thời gian anh D ở nước ngoài. HĐXX thấy, nguyện vọng của cháu H2 và cháu H là chính đáng. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trịnh Thanh H, sinh ngày 10/3/2009 nhưng tạm giao cháu H cho bà Thân Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi anh D về nước. Giao cho chị V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trịnh Gia H2, sinh ngày 09/01/2013.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình

năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự đều không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Chị V trình bày không có, không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Phùng Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 104, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị V được ly hôn anh Trịnh Tiến D.

2. Về con chung:

- Giao con chung là cháu Trịnh Thanh H, sinh ngày 10/3/2009 cho anh Trịnh Tiến D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật nhưng tạm giao cho bà Thân Thị A nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Huyền cho đến khi anh D về nước.

- Giao con chung là cháu Trịnh Gia H2, sinh ngày 09/01/2013 cho chị Phùng Thị V nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Phùng Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000829 ngày 13/01/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Trịnh Tiến D hiện đang ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Phùng Thị V và bà Thân Thị A không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND thị trấn Phồn Xương,
huyện Y, tỉnh B;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải Hường